

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	CỬ NHÂN KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (BACHELOR OF NATURAL RESOURCE ECONOMICS)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN
MÃ NGÀNH/CODE:	52110107
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO /TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO /LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION	4 NĂM/4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khoẻ tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý tài nguyên thiên nhiên; có khả năng tư duy và làm việc độc lập; có khả năng tự học tập để đáp ứng đòi hỏi công việc chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên sau khi tốt nghiệp sẽ có khả năng làm việc trong các cơ quan quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên từ trung ương đến địa phương. Các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các dự án có liên quan tới lĩnh vực tài nguyên cũng là nơi cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên có thể làm việc. Cử nhân kinh tế tài nguyên thiên nhiên cũng có kiến thức để làm cán bộ nghiên cứu và giảng dạy trong các viện nghiên cứu, các trường đại học. Ngoài ra, cử nhân cũng có

thể khởi nghiệp bằng cách thành lập các công ty tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân và nhà nước, hoặc hoạt động trực tiếp trong thị trường tài nguyên thiên nhiên.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Sinh viên hiểu biết về chủ nghĩa Mác – Lênin, Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu được khoa học chính trị và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu, làm việc, và đời sống.	CDR 1
	Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất và bảo vệ đất nước	CDR 2
	Có kiến thức cơ bản, nguyên lý về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh	CDR 3
	Có hệ thống kiến thức cơ bản về các khái niệm, vai trò, và chức năng của các hoạt động kinh tế tài nguyên; Hiểu biết về các vấn đề kinh tế tài nguyên trong nước và quốc tế.	CDR 4
	Hiểu được các nguyên tắc, quy trình, cách lập kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong kinh tế tài nguyên; Có kiến thức về quản lý tài nguyên thiên nhiên, hoạch định chính sách tài nguyên thiên nhiên, lập và quản lý dự án khai thác tài nguyên thiên nhiên, xác định giá trị tài nguyên thiên nhiên, giám sát và đánh giá tác động môi trường của các dự án tài nguyên, sử dụng tài nguyên hiệu quả.	CDR 5
	Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố tới các hoạt động kinh tế tài nguyên của các cơ quan, doanh nghiệp; Giải thích được các nguyên tắc quản lý, sử dụng tài nguyên tối ưu.	CDR 6
	Vận dụng các kiến thức để đề xuất và thực thi các giải pháp, giải quyết vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên	CDR 7
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Sinh viên có kỹ năng giao tiếp, viết báo cáo và thuyết trình các nội dung liên quan tới các vấn đề cơ bản trong kinh tế.	CDR8
	Sinh viên có kỹ năng tư duy và làm việc độc lập và theo nhóm; Có kỹ năng rèn luyện thể chất và thực thi nhiệm vụ quốc phòng.	CDR 9
	Sinh viên có kỹ năng nhận biết các vấn đề; có kỹ năng xác định giá trị tài nguyên thiên nhiên, kỹ năng giám sát và đánh giá tác động môi trường của các dự án tài nguyên, kỹ năng đưa chính sách tài nguyên thiên nhiên	CDR 10

CĐR	Mô tả	Mã CĐR
	vào thực tiễn, kỹ năng lập và quản lý dự án khai thác tài nguyên, kỹ năng tính toán để sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả.	
	Sinh viên có kỹ năng phân tích các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên.	CĐR 11
	Sinh viên có kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng đánh giá và giải quyết các vấn đề kinh tế tài nguyên.	CĐR 12
CĐR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 13
CĐR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 14
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Sinh viên hiểu biết về pháp luật, tuân thủ pháp luật và có khả năng vận dụng vào thực tiễn cuộc sống cũng như trong công việc; có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định của đơn vị, tổ chức; có đạo đức, trách nhiệm với công việc; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác; có khả năng thích ứng nhanh với bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0	CĐR 15

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 128 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	

1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	84	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	5 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	44	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	29	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	128	Không kể GDQP&AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLDL1101	2	III	
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng Military Education	GDQP	8- 11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
6	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
7	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
8	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
9	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
1.3. Các học phần của ngành				12		
10	1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	
11	2	Phương pháp nghiên cứu kinh tế- xã hội Social economic research methods	PTCC1128	3	III	
12	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	II	
13	4	Quản trị kinh doanh 1 Business management 1	QTTH1102	3	III	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				84		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		
15	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	III	TOKT1145
16	2	Kinh tế tài nguyên 1 Economics of Natural Resources 1	TNTN1106	3	III	
17	3	Hệ thống thông tin địa lý Geographic Information System	MTDT1106	3	V	
14	4	Quản lý tài nguyên và môi trường Natural resources and environmental management	MTKT1119	3	II	
18	5	Quản lý nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	TNDC1130	3	IV	
2.2. Kiến thức ngành				44		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				29		
19	1	Pháp luật về tài nguyên Natural Resources Laws	LUKD1122	3	IV	
20	2	Quản lý tài nguyên 1 Management of Natural Resources 1	TNTN1108	3	IV	
21	3	Quản lý tài nguyên 2 Natural Economics Management	TNTN1126	3	V	TNTN1108
25	4	Kinh tế tài nguyên 2 Economics of Natural Resources 2	TNTN1121	3	IV	TNTN1106
22	5	Thị trường tài nguyên và sản phẩm tài nguyên Market of Natural Resources and Products	TNTN1129	3	V	KHMI1101
23	6	Thuế và phí tài nguyên Natural Resource Taxes and Fees	TNTN1110	3	VII	KHMI1101

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
24	7	Chính sách tài nguyên Natural Resource Policy	TNTN1132	3	V	
26	8	Tiếng Anh ngành Kinh tế tài nguyên English for Natural Resources Economists	TNTN1111	3	V	
27	9	Định giá tài nguyên Natural Resources Valuation	TNTN1133	3	VI	
28	10	Đề án ngành Kinh tế tài nguyên Essay on Natural Resources Economics	TNTN1139	2		
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)				15		
29- 33	1	Kinh tế học biến đổi khí hậu Economics and Climate change	MTKH1103	3	V	KHMA1101
	2	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	VI	KHMA1101
	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	IV	
	4	Phân tích chi phí - lợi ích Cost Benefit Analysis	MTKT1135	3	IV	
	5	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3	IV	
	6	Thị trường bất động sản Real Estate Market	TNBD1109	3	V	
	7	Đánh giá tác động môi trường của dự án tài nguyên Evaluation on Natural Resource Project's Impact	TNTN1138	3	VII	
	8	Quy hoạch sử dụng và bảo tồn tài nguyên Natural Resource Use and Conservation Planning	TNTN1127	3	VI	
	9	Bản đồ học Mapping	TNTN1136	3	IV	
	10	Địa lý thủy văn Hydrography	TNTN1137	3	V	
2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 5 học phần trong tổ hợp)				15		
34- 38	1	Lập và quản lý dự án đầu tư Design and Management for Investment Project	DTKT1156	3	V	
	2	Kế toán tài chính Financial Accounting	KTTC1105	3	IV	
	3	Kinh tế tài nguyên rừng Forest Economics	TNTN1148	3	VI	
	4	Kinh tế tài nguyên đất 1 Land and Real Estate Economics 1	TNDC1124	3	VI	
	5	Kinh tế tài nguyên Nước Water Resources Economics	TNTN1147	3	VII	
	6	Kinh tế tài nguyên Khoáng sản Mineral Resources Economics	TNTN1146	3	V	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	7	Kinh tế năng lượng Energy Economics	TNTN1144	3	VI	
	8	Kinh tế nông nghiệp Agricultural Economics	TNKT1138	3	V	
	9	Marketing công nghệ số Digital Marketing	MKBH1116	3	V	
	10	Khởi sự kinh doanh Entriprienuous	QTTH1108	3	VI	
39	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		TNTN1151	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ			128		

8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo

PGS.TS Phạm Hồng Chương